TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2026/KDTM-PT
Ngày 10 - 6 -2026
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Ông Phạm Văn Công

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Đăng Ry - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại phúc thẩm thụ lý số: 35/2026/TLPT-KDTM ngày 20 tháng 3 năm 2026 về việc *"Tranh chấp hợp đồng mua bán"*.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 07/2025/KDTM-ST ngày 08 tháng 10 năm 2025 của Toà án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1156/2026/QĐ-PT ngày 08 tháng 5 năm 2026; Quyết định hoãn phiên toà số: 703/2026/QĐ-PT ngày 26 tháng 5 năm 2026; Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1600/2026/QĐ-PT ngày 26 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ Phần N; địa chỉ trụ sở: Số C, Quốc lộ C, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (nay là phường M, tỉnh Đồng Tháp).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Mai Ngọc T, chức vụ: Giám đốc (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tăng Trần Minh T1, sinh năm 1987 là nhân viên phòng Hành chính Nhân sự và pháp chế Công ty Cổ phần N (có mặt).

2. Bị đơn: Chủ Doanh nghiệp tư nhân T2 - Bà Trương Ngọc Minh Đ, sinh

năm 1998, Căn cước công dân số 089198006652; nơi cư trú: Số D, Tổ A, khóm L phường L, thị xã T, tỉnh An Giang (nay là phường T, tỉnh An Giang).

Người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn Chủ doanh nghiệp tư nhân T2: Ông Trương Thanh H, sinh năm 1966, Căn cước công dân số 087066000710; nơi cư trú: Số D, Tổ A, khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang (nay là phường T, tỉnh An Giang), vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trương Thanh H, sinh năm 1966, Căn cước công dân số 087066000710; nơi cư trú: Số D, Tổ A, khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang (nay là phường T, tỉnh An Giang), có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Trương Thanh H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay ông Tăng Trần Minh T1 là người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn Công ty Cổ phần N trình bày:

Công ty Cổ Phần N có ký Hợp đồng nhượng quyền bán lẻ xăng dầu với T2 theo Hợp đồng số 38/NLĐT-HĐ.NQBL.2022 ngày 31/5/2022. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng giữa 02 bên, đến ngày 31/12/2022 T2 còn nợ Công ty Cổ Phần N số tiền 595.901.000đ (Năm trăm chín mươi lăm triệu, chín trăm lẻ một nghìn đồng).

- Trong đó:

+ Mặt hàng xăng dầu là: 543.772.000đ.

+ Mặt hàng dầu nhờn là: 52.129.000đ.

Căn cứ vào Biên bản cam kết ngày 05/01/2023, Biên bản đối chiếu hàng hóa và xác nhận công nợ ngày 31/3/2023 và 30/4/2023, cho đến thời điểm này T2 vẫn không thực hiện việc trả nợ. Công ty Cổ Phần N đã nhiều lần trao đổi, nhắc nhở, yêu cầu thanh toán số tiền nợ 595.901.000đ (Năm trăm chín mươi lăm triệu, chín trăm lẻ một nghìn đồng) nhưng đến nay T2 vẫn không thanh toán số tiền nợ.

Nay Công ty Cổ Phần N yêu cầu Toà án giải quyết buộc chủ T2 là bà Trương Ngọc Minh Đ phải trả cho Công ty Cổ Phần N tổng số tiền 737.728.655đ, trong đó: số tiền vốn 595.901.000đ, số tiền lãi 141.827.655đ (trong số tiền vốn 543.772.000d X 10%/năm X 952 ngày, tính từ ngày 01/03/2023 đến 08/10/2025), chỉ tính lãi trên số nợ mặt hàng xăng dầu. Ngoài ra công ty không có ý kiến khác.

Quá trình giải quyết vụ án, Công ty Cổ Phần N có Đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 23/4/2025 thay đổi từ khởi kiện bà Trương Ngọc Minh Đ là đại diện theo pháp luật của Doanh nghiệp tư nhân T2 sang khởi kiện yêu cầu chủ Doanh nghiệp tư nhân T2 – bà Trương Ngọc Minh Đ có nghĩa vụ trả nợ cho Công ty Cổ Phần N.

- Ông Trương Thanh H là đại diện theo ủy quyền cho chủ Doanh nghiệp tư nhân T2 và cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày tại biên bản hòa giải ngày 28/3/2025 của Tòa án: Doanh nghiệp tư nhân T2 do bà Trương Ngọc Minh Đ làm chủ doanh nghiệp (Bà Đ là con của ông H), doanh nghiệp chuyên bán xăng dầu và nhớt, trong quá trình doanh nghiệp hoạt động ông H là người đại diện theo ủy quyền ký nhận xăng, dầu, nhớt và xác nhận công nợ với Công ty Cổ Phần N, ông H cho rằng doanh nghiệp hiện nay đã ngưng hoạt động nhưng không nhớ ngày tháng năm và chưa tuyên bố phá sản. Bà Trương Ngọc Minh Đ vẫn còn ở nước ngoài, qua trình bày của nguyên đơn thì đúng với số tiền gốc mặt hàng xăng dầu là 543.772.000đ, tiền hàng dầu nhờn là 52.129.000đ, còn lãi phía Công ty tính lãi suất 20%/năm thì ông không đồng ý nên yêu cầu tính lãi suất 10%/năm theo quy định pháp luật. Nay Công ty yêu cầu doanh nghiệp tư nhân T2 trả nợ thì ông không có ý kiến.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 07/2025/KDTM -ST ngày 08/10/2025, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ Phần N. Buộc chủ Doanh nghiệp tư nhân T2 - bà Trương Ngọc Minh Đ phải có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ Phần N số tiền 737.728.655 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 10/11/2025 ông Trương Thanh H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị sửa hoặc hủy án, xem lại phần lãi suất hoặc miễn phần lãi, loại ông ra, ông không có trách nhiệm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trương Thanh H xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nội dung: Xét kháng cáo của ông Trương Thanh H là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Căn cứ Hợp đồng nhượng quyền bán lẻ xăng dầu số 38/NLĐT-HĐ.NQBL.2022, ngày 31/5/2022, Biên bản cam kết ngày 05/01/2023; Biên bản đối chiếu hàng hóa và xác nhận công nợ ngày 31/3/2023 và 30/4/2023, Doanh

nghiệp tư nhân T2 xác nhận còn nợ Công ty Cổ Phần N số tiền 595.901.000 đồng. Công ty khởi kiện Doanh nghiệp tư nhân T2 trả gốc và lãi. Tòa án cấp sơ thẩm buộc chủ Doanh nghiệp tư nhân T2 - bà Trương Ngọc Minh Đ phải có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ Phần N số tiền 737.728.655 đồng là có căn cứ. Ông H kháng cáo cho rằng không có liên quan. Chủ Doanh nghiệp tư nhân T2 - bà Trương Ngọc Minh Đ phải có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ Phần N là đúng quy định pháp luật. Ông H kháng cáo không có tình tiết gì mới làm thay đổi nội dung vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các đương sự đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của ông Trương Thanh H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Hợp đồng nhượng quyền bán lẻ xăng dầu số 38/NLĐT-HĐ.NQBL.2022, ngày 31/5/2022 được ký kết giữa bên nhượng quyền là Công ty Cổ Phần N với bên nhận quyền là chủ Doanh nghiệp tư nhân T2 - bà Trương Ngọc Minh Đ. Trong quá trình mua bán, chủ Doanh nghiệp tư nhân T2 còn nợ tiền của Công ty Cổ Phần N, được thể hiện tại Biên bản cam kết ngày 05/01/2023; Biên bản đối chiếu hàng hóa và xác nhận công nợ ngày 31/3/2023 và 30/4/2023. Sau khi đối chiếu công nợ giữa hai bên, Doanh nghiệp tư nhân T2 xác nhận còn nợ Công ty Cổ Phần N số tiền xăng dầu là 543.772.000 đồng, dầu nhờn là 52.129.000 đồng. Doanh nghiệp tư nhân T2 cam kết đến 28/02/2023 thanh toán hết công nợ cho Công ty Cổ Phần N. Nếu Doanh nghiệp tư nhân T2 không thực hiện đúng với nội dung cam kết thì phải chịu lãi suất tính theo lãi suất tiền vay ngân hàng tại thời điểm phát sinh và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, ngoài ra còn phù hợp với lời khai của ông Trương Thanh H tại biên bản hoà giải ngày 28/3/2025 của Toà án. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền nợ và tiền lãi là có cơ sở. Tiền lãi tính từ ngày 01/3/2023 đến ngày xử sơ thẩm ngày 08/10/2025 chỉ trên số tiền xăng dầu là 141.827.655 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là đúng quy định pháp luật.

[3] Từ những phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử có căn cứ. Ông H kháng cáo không đưa ra tình tiết làm thay đổi nội dung vụ án. Do đó, Tòa án cấp

phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông H, giữ nguyên bản án sơ thẩm như ý kiến của đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đề nghị.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông H là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 119, Điều 430, Điều 440, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 188, Điều 190 của Luật Doanh nghiệp năm 2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân số 81/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, Đối thoại tại Tòa án số 85/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 85/2025/UBTV QH15 phê chuẩn đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về việc thành lập các Tòa phúc thẩm, Cục, Vụ và tương đương, cơ quan báo chí của Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trương Thanh H. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 07/2025/KDTM-ST ngày 08 tháng 10 năm 2025 của Toà án nhân dân tỉnh An Giang:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ Phần N. Buộc chủ Doanh nghiệp tư nhân T2 - bà Trương Ngọc Minh Đ phải có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ Phần N số tiền 737.728.655 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Chủ Doanh nghiệp tư nhân T - bà Trương Ngọc Minh Đ phải chịu 33.509.000đ (ba mươi ba triệu, năm trăm lẻ chín nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Công ty Cổ Phần N số tiền 16.415.000 đồng (mười sáu triệu, bốn trăm mười lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0007647 ngày 01/04/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 15, tỉnh An Giang).

3. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Ông H là người cao tuổi nên được miễn án phí.

H1 lại cho ông H số tiền đã nộp là 1.700.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0012295 ngày 22/12/2025 và 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0011801 ngày 15/12/2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điêu 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA (TTPT).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Đinh Ngọc Thu Hương